

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ LA GI
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ LA GI, TỈNH BÌNH THUẬN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đỗ Phú Phước**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Võ Thanh Đức** và bà **Hoàng Thị Tường Duyệt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Song Yến** - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngọc** - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 337/2022/TLST-HNGĐ, ngày 26/7/2022, về: “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 36/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thanh T**, sinh năm 1991 (Vắng mặt)

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã T, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Đỗ Thị Thanh T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Nguyễn Văn T đăng ký kết hôn tại UBND xã Tân Hải, thị xã La Gi năm 2018. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do vợ chồng thường hay cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau và bà không còn tình cảm với ông T nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông T

Về con chung: Vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 22/8/2016. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập, cũng như đã tổng đạt hợp lệ nhiều lần các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn không chấp hành và cũng không có văn bản trình bày ý kiến nộp Tòa án. Tòa án cũng đã tổng đạt hợp lệ thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do, nên không hòa giải được. Tại phiên tòa, bị đơn vẫn vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Việc tuân theo pháp luật từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử sơ thẩm: Thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định tại Bộ luật tố tụng dân sự; Thẩm quyền thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, thời hạn gửi hồ sơ cho Viện kiểm sát nghiên cứu, cấp tổng đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng là phù hợp quy định pháp luật; việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử thực hiện đúng phiên tòa sơ thẩm; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Đương sự đã thực hiện theo quy định.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Bà Đỗ Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Văn T. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Trường T, sinh ngày 22/8/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng. Tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa; sau khi nghe quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã La Gi, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Bà Đỗ Thị Thanh T khởi kiện ông Nguyễn Văn T về việc “Tranh chấp ly hôn, nuôi con”. Bị đơn ông T có nơi cư trú tại thôn B, xã T, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận. Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tranh chấp ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận.

- Nguyên đơn bà T có đơn xin vắng mặt và bị đơn ông T đã được Tòa án triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo thủ tục chung là phù hợp quy định của Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về nội dung vụ án:* Bà T yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông T. Về con chung: bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung Nguyễn Trường T, sinh ngày 22/8/2016, không yêu cầu ông T cấp dưỡng

Xét, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa bà T và ông T tự nguyện chung sống, có đăng ký kết hôn vào năm 2018 tại xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận, nên quan hệ hôn nhân của ông bà là hợp pháp. Quá trình chung sống giai đoạn đầu vợ chồng sống hạnh phúc, sau đó phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do vợ chồng thường hay cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau nên việc vợ chồng hàn gắn là rất khó. Ngoài ra, ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không chấp hành, cũng không có văn bản trình bày ý kiến gởi đến Tòa án, điều này chứng tỏ ông T không có thiện chí giữ gìn quan hệ hôn nhân, cũng như giữa ông, bà không có giải pháp nào để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ những căn cứ trên, nhận thấy mâu thuẫn giữa ông T và bà T đã thật sự trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không còn tồn tại, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà T ly hôn ông T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 22/8/2016 cho bà Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng là phù hợp Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] *Về tài sản chung, nợ chung:* Đương sự không có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] *Về án phí:* Bà T phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] *Về quyền kháng cáo:* Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đỗ Thị Thanh T được ly hôn ông Nguyễn Văn T.

[2] *Về con chung*: Giao con chung tên Nguyễn Trường T, sinh ngày 22/8/2016 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, bà T không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung*: Không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí*: Bà Đỗ Thị Thanh T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012764 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà T đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã La Gi;
- THADS thị xã La Gi;
- Đương sự;
- Lưu HS - Lưu Tòa án;
- UBND nơi đăng ký kết hôn

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Phú Phước

PHIẾU ĐỀ XUẤT

Vụ án Hôn nhân- Gia đình: Thụ lý số: 308/2022/DSST ngày 04/7/2022

“ Tranh chấp ly hôn, nuôi con”

1/ Dương sự:

Nguyên đơn: Bà **Thái Huỳnh Cẩm Nhung**, sinh năm 1991.

Bị đơn: Ông **Lê Thế Duy**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: phường Tân Thiện, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

2/ Nội dung vụ án: Bà và ông Lê Thế Duy đăng ký kết hôn tại UBND phường Tân An, thị xã La Gi năm 2016. Quá trình chung sống, vợ chồng hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn nghiêm trọng do vợ chồng thường hay cãi nhau vì bất đồng quan điểm sống, bản thân ông Duy không chăm lo cho gia đình. Hiện nay ông bà đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không quan tâm lẫn nhau và bà không còn tình cảm với ông Duy nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông Duy

Về con chung: Vợ chồng có với nhau được 01 người con chung tên Lê Khả Hân, sinh ngày 04/8/2017. Nếu ly hôn, bà có nguyện vọng trực tiếp nuôi dưỡng con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà không yêu cầu Tòa giải quyết.

Ông Lê Thế Duy có ý kiến: Ông thống nhất lời trình bày của bà Thương về thời đăng ký kết hôn, con chung. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông cho rằng việc cãi nhau là không tránh khỏi và không có lý do để ly hôn. Ông không đồng ý ly hôn vì còn tình cảm với bà Thương dù hai người đã ly thân một năm nay

Về con chung: Giao con chung cho bà Thương trực tiếp nuôi dưỡng

Về tài sản chung, nợ chung: Ông không yêu cầu Tòa giải quyết.

Tại biên bản xác minh của Tòa án ngày 22/7/2022 tại địa phương nơi bà Thương và ông Duy sinh sống thể hiện: vợ chồng bà Giàu ông Minh có nhiều mâu thuẫn và đã không còn sống chung với nhau nữa

3/Quan điểm:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu nguyên đơn

Căn cứ chấp nhận: Qua biên bản xác minh ngày 22/7/2022 thể hiện: Vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn và đã sống ly thân. Như vậy các đương sự đã vi phạm nghĩa vụ của vợ chồng theo quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân gia đình. Đây cũng là căn cứ cho ly hôn theo Điều 56 Luật HNGĐ.

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Thái Huỳnh Cẩm Thương được ly hôn ông Lê Thế Duy.

[2] *Về con chung:* Giao con chung tên Lê Khả Hân, sinh ngày 04/8/2017 cho bà Thương trực tiếp nuôi dưỡng, bà Thương không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Thái Huỳnh Cẩm Thương phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0005213 ngày 28/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Thương đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] *Quyền kháng cáo*

La Gi, ngày /2022

Người đề xuất

Đỗ Phú Phước

BIÊN BẢN NGHỊ ÁN

Vào hồi giờ 00 phút, ngày 30 tháng 9 năm 2022,

Tại Phòng Nghị án Tòa án nhân dân thị xã La Gi,

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Phú Phước.

Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Thanh Đức và bà Hoàng Thị Tường Duy

Tiến hành nghị án vụ án HNGĐ sự thụ lý số 337/2022/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2022, về: “Tranh chấp ly hôn và nuôi con” giữa:

Nguyên đơn: Bà **Đỗ Thị Thanh Thảo**, sinh năm 1991

Bị đơn: Ông **Nguyễn Văn Tuấn**, sinh năm 1988

Cùng địa chỉ: Thôn Ba Đẳng, xã Tân Hải, thị xã La Gi, tỉnh Bình Thuận

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, các quy định của pháp luật.

**HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẢO LUẬN, BIỂU QUYẾT
QUYẾT ĐỊNH CÁC VẤN ĐỀ CỦA VỤ ÁN NHƯ SAU:**

Ý kiến của ông Đức: Vợ chồng bà Thảo ông Tuấn không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống và đã ly thân mạnh ai nấy sống không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nên việc vợ chồng hàn gắn là rất khó nên cho bà Thảo ly hôn ông Tuấn

Ý kiến của bà Duy: Thống nhất với ý kiến của ông Đức; bổ sung: Giao con chung cho bà Thảo trực tiếp nuôi dưỡng. Bà Thảo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Ý kiến của ông Phước: Thống nhất với ý kiến của Hội thẩm nhân dân

Sau khi thảo luận, Hội đồng xét xử tiến hành biểu quyết và thống nhất 03/03 quyết định giải quyết toàn bộ nội dung vụ án như sau:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 28; Điểm a Khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án .

Tuyên xử:

[1] *Về quan hệ hôn nhân:* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Bà Đỗ Thị Thanh Thảo được ly hôn ông Nguyễn Văn Tuấn.

[2] *Về con chung:* Giao con chung tên Nguyễn Trường Thịnh, sinh ngày 22/8/2016 cho bà Thảo trực tiếp nuôi dưỡng, bà Thảo không yêu cầu cấp dưỡng. Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

[3] *Về tài sản chung, nợ chung:* Không xem xét giải quyết.

[4] *Về án phí:* Bà Đỗ Thị Thanh Thảo phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm. Nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai số 0012764 ngày 22/7/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã La Gi. Bà Thảo đã nộp đủ tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

[5] *Về quyền kháng cáo:* Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn **15** ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi, bổ sung.

Việc nghị án kết thúc vào lúc giờ phút cùng ngày.

Biên bản nghị án đã được đọc lại cho tất cả thành viên Hội đồng xét xử cùng nghe và thống nhất ký tên dưới đây.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đỗ Phú Phước